ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:449 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày* 04 *tháng* 11 *năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nội dung nêu tại Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng và Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố; cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu ngành nghề, không gian phát triển và thị trường lao động của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kỹ năng nghề và chất lượng việc làm; phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả; chuyển dịch lao động hợp lý, gắn tạo việc làm bền vững với nâng cao năng suất lao động, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

c) Phát huy lợi thế của thành phố về công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, cảng biển, logistics, thương mại, dịch vụ, kinh tế số và kinh tế biển; phát triển việc làm tại chỗ, mở rộng cơ hội có việc làm, duy trì và nâng cao thu nhập, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; phát triển sinh kế bền vững ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực ven biển, hải đảo; hỗ trợ người lao động thích ứng với thay đổi công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và già hóa dân số.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai phải bám sát Thông báo số 123-TB/VPTW, Quyết định số 1538/QĐ-TTg; được tiến hành đồng bộ, toàn diện, kịp thời, hiệu quả, gắn với thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới; cụ thể hóa nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của thành phố, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

b) Thực hiện theo phương châm "6 rõ": Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng nhiệm vụ được giao; mỗi nhiệm vụ có đầu mối chủ trì và sản phẩm kiểm chứng được.

c) Xác định nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm bền vững và đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, liên ngành, thường xuyên và lâu dài; được đặt trong tổng thể đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế; bảo đảm người lao động là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của phát triển.

d) Bảo đảm thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030; lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, các chương trình, kế hoạch về năng suất lao động, quan hệ lao động, an sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Phân định rõ nhiệm vụ, đối tượng và nguồn lực, tránh trùng lặp.

đ) Kế thừa cơ sở dữ liệu, hạ tầng, đầu mối và cơ chế phối hợp hiện có; thống nhất nguồn số liệu, cách tính, thời điểm báo cáo; bảo vệ dữ liệu cá nhân. Lồng ghép nguồn lực đúng đối tượng, nội dung, địa bàn và thẩm quyền; không hỗ trợ trùng một nội dung, không đặt thêm điều kiện, thủ tục ngoài quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn lao động có trình độ, kỹ năng, sức khỏe, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật và khả năng thích ứng; hình thành sự kết nối thường xuyên giữa dự báo nhu cầu nhân lực, đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và đào tạo lại. Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, minh bạch; mở rộng việc làm chính thức, nâng cao chất lượng việc làm và sinh kế; giảm thiểu hụt nhân lực cục bộ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm an sinh xã hội của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu về lao động, việc làm, đào tạo, năng suất lao động và bảo hiểm xã hội đã được cấp có thẩm quyền xác định trong kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và hằng năm của thành phố. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê thành phố và các cơ quan liên quan rà soát số liệu nền, tham mưu cụ thể hóa chỉ tiêu hằng năm theo đúng phạm vi, phương pháp thống kê; không giao trùng hoặc sử dụng số liệu của địa giới cũ thay cho số liệu toàn thành phố.

b) Trong quý IV/2026, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hoàn thành phân công đầu mối, rà soát nhiệm vụ và nhu cầu nguồn lực; xác định các trường hợp, nhóm lao động, doanh nghiệp cần hỗ trợ khẩn cấp và nhiệm vụ ưu tiên năm 2027.

c) Trong năm 2027, hoàn thành đợt rà soát ban đầu về chất lượng nguồn lao động, nhu cầu tuyển dụng và thiếu hụt kỹ năng theo ngành, nghề, trình độ, địa bàn; cung cấp dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ thiếu hụt lao động, kỹ năng của Trung ương theo mốc quý IV/2027. Trước quý II/2027, hoàn thành rà soát, đề xuất danh mục ngành, nghề ưu tiên và nhu cầu đào tạo của thành phố để phục vụ nhiệm vụ của Trung ương.

d) Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%, gắn với mục tiêu tại Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030". Các chương trình đào tạo có hỗ trợ từ ngân sách trong phạm vi Kế hoạch phải có phương án đầu ra, theo dõi kết quả việc làm, tự tạo việc làm hoặc duy trì, nâng cao hiệu quả công việc sau đào tạo.

đ) Hằng năm, các khu công nghiệp, khu kinh tế, dự án lớn, công trình trọng điểm được rà soát nhu cầu nhân lực và xây dựng phương án kết nối cung - cầu; cập nhật kịp thời khi có dự án mới, mở rộng sản xuất hoặc biến động lao động lớn. Các trường hợp người lao động đề nghị hỗ trợ được tiếp nhận, tư vấn, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền và theo dõi kết quả giải quyết.

e) Chuẩn bị dữ liệu, góp ý và tổ chức áp dụng Bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững theo hướng dẫn của Trung ương; trong thời gian chưa ban hành, theo dõi trên cơ sở chỉ tiêu thống kê, báo cáo hiện hành và kết quả đầu ra của nhiệm vụ. Tổ chức đánh giá hằng năm, sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030, xác định nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức triển khai, rà soát và lồng ghép các chương trình, kế hoạch có liên quan

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức quán triệt, phổ biến Thông báo số 123-TB/VPTW, Quyết định số 1538/QĐ-TTg và Kế hoạch này đến đơn vị trực thuộc, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan. Rà soát, lồng ghép nhiệm vụ phát triển nguồn

nhân lực, việc làm, giáo dục và đào tạo, giảm nghèo, sinh kế, nhà ở và an sinh xã hội vào chương trình, đề án, kế hoạch hiện hành; xác định nhiệm vụ còn thiếu, cơ quan chịu trách nhiệm và nguồn lực thực hiện, bảo đảm không trùng lặp. Trong quý IV/2026, hoàn thành phân công đầu mối, rà soát nhiệm vụ ưu tiên, nhu cầu nguồn lực và các nhóm lao động, doanh nghiệp cần hỗ trợ kịp thời.

2. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

a) Phát triển cầu lao động thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số và kinh tế xanh. Gắn quy hoạch, tổ chức không gian phát triển với phân bố hợp lý việc làm và nguồn nhân lực. Lồng ghép định hướng thu hút đầu tư tạo việc làm có năng suất, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, chuyển giao công nghệ và đào tạo người lao động; hạn chế dự án chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng. Việc xem xét, quyết định hoặc chấp thuận dự án và áp dụng ưu đãi thực hiện đúng thẩm quyền, quy định pháp luật.

b) Rà soát, dự báo nhu cầu, thiếu hụt nhân lực tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu thương mại tự do (nếu có), dự án lớn và công trình trọng điểm; phân loại theo ngành nghề, vị trí việc làm, trình độ, kỹ năng, số lượng và thời điểm cần tuyển. Xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động; cập nhật danh mục cảnh báo và xử lý thiếu hụt cấp bách, hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ dự án, sản xuất, kinh doanh.

c) Phát triển việc làm chính thức; hỗ trợ người lao động phi chính thức tiếp cận thông tin việc làm, giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm và thụ hưởng chính sách an sinh theo quy định. Rà soát, triển khai chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang khu vực chính thức; đề xuất hoàn thiện chính sách theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền. Phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động; tổng hợp vướng mắc, kiến nghị giải pháp khuyến khích doanh nghiệp tạo việc làm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

d) Gắn tạo việc làm với điều kiện sống của người lao động; lồng ghép phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê, giao thông và dịch vụ thiết yếu tại khu vực tập trung đông lao động với quy hoạch, chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ việc làm, tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với lao động đô thị, nhất là thanh niên, lao động phi chính thức và lao động chịu tác động của chuyển đổi số, tự động hóa; hỗ trợ tư vấn, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng và kết nối việc làm phù hợp với nhu cầu thị trường.

3. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững

a) Phát triển việc làm tại chỗ gắn với nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chế biến sâu, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, cụm công nghiệp, chương trình OCOP, logistics, dịch vụ và chuỗi giá trị; hỗ trợ chuyển dịch lao động phù hợp nhu cầu thị trường và lợi thế từng địa bàn.

b) Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, phục vụ nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ngành nghề nông thôn, OCOP, làng nghề và cơ điện nông thôn. Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ thuật, khuyến nông thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành; tổng hợp nhu cầu, đề xuất nội dung đào tạo nghề để tham mưu kế hoạch đào tạo nghề của thành phố. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở đào tạo và người lao động; nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh; khuyến khích nông dân chuyên nghiệp, nông dân số; lựa chọn mô hình tạo việc làm, sinh kế theo nhu cầu thực tế và khả năng duy trì thu nhập.

c) Triển khai phần việc của thành phố về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030. Lồng ghép nhiệm vụ tạo việc làm, đào tạo nghề, sinh kế theo phạm vi, đối tượng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; theo dõi kết quả việc làm, thu nhập, cải thiện sinh kế sau hỗ trợ.

d) Triển khai chính sách hỗ trợ việc làm cho lao động nông thôn, xây dựng lộ trình hoặc phương án chuyển dịch lao động theo địa bàn, nhu cầu thị trường, gắn đào tạo và kết nối việc làm; mở rộng cơ hội chuyển sang làm nông nghiệp hiện đại, công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị vùng, làm việc ở đô thị hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

a) Triển khai các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ tạo việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có phần việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại điểm c khoản 3 Mục này. Rà soát, đề xuất chính sách đặc thù theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Trung ương; lồng ghép việc làm, đào tạo, sinh kế và dịch vụ cho đối tượng thụ hưởng, không trùng lặp với các nhiệm vụ khác.

b) Đổi mới công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và phát triển kỹ năng theo hướng gắn với sinh kế, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất và

nhu cầu thị trường của từng địa bàn, từng dân tộc, từng cộng đồng; không áp đặt mô hình chung, không tổ chức đào tạo theo phong trào, hình thức. Đánh giá hiệu quả đào tạo gắn với kết quả tạo việc làm, khả năng tiêu thụ sản phẩm và cải thiện thu nhập của người dân.

c) Tập trung phát triển các ngành, nghề có tiềm năng như nông nghiệp đặc sản, chăn nuôi, thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng, thương mại điện tử và các sản phẩm địa phương.

d) Mở rộng kết nối thị trường và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ về hạ tầng, tín dụng, thông tin, đào tạo, tư vấn pháp luật, kỹ thuật sản xuất, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

đ) Thúc đẩy tạo việc làm an toàn tại chỗ; đồng thời hỗ trợ người lao động có nhu cầu đi làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e) Phòng ngừa, hạn chế tình trạng di cư tự do, lao động bấp bênh, bị lạm dụng, lừa đảo hoặc thiếu khả năng tiếp cận các chính sách việc làm, đào tạo, bảo hiểm và an sinh xã hội.

g) Gắn tạo việc làm với bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái, bảo đảm an ninh, trật tự và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5. Đổi mới đào tạo, đào tạo lại và phát triển kỹ năng gắn với nhu cầu sử dụng lao động, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn.

a) Đổi mới mạnh mẽ công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ứng dụng, thực hành, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và doanh nghiệp; phối hợp trong xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo yêu cầu và hướng dẫn của Trung ương.

b) Chuẩn bị điều kiện, phối hợp và triển khai mô hình trung học nghề; phối hợp áp dụng chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, hỗ trợ đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, công nhận kết quả học tập và kinh nghiệm làm việc theo thẩm quyền; phát triển hồ sơ kỹ năng của người lao động để tích lũy, cập nhật và chuyển đổi kỹ năng trong suốt quá trình làm việc theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng danh mục nghề trọng điểm theo yêu cầu của Trung ương. Rà soát, xây dựng Danh mục ngành, nghề ưu tiên và quy mô đào tạo của thành phố, chú trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, công nghệ số, tự động hóa, logistics, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và nghề phù hợp với sinh kế tại chỗ.

d) Rà soát, lồng ghép và triển khai phần việc địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 25/9/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố theo đúng đối tượng, danh mục nghề, điều kiện, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ được quy định; không tạo thêm chế độ hỗ trợ ngoài quy định.

đ) Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp. Phát triển đào tạo kép, đào tạo theo đặt hàng, đào tạo tại doanh nghiệp; phát huy vai trò doanh nghiệp trong xác định nhu cầu, xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, thực tập, cử chuyên gia hướng dẫn, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng sau đào tạo.

e) Phát triển đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời; tăng cường kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và tái cơ cấu việc làm. Hỗ trợ người lao động tích lũy, cập nhật, chuyển đổi kỹ năng, chứng chỉ và tín chỉ theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

g) Theo dõi, đánh giá kết quả việc làm, tự tạo việc làm, thu nhập sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu và mức độ hài lòng của doanh nghiệp; sử dụng kết quả để đề xuất điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phân bổ nguồn lực đào tạo theo quy định.

h) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Đề án/Chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện đại theo yêu cầu của Trung ương.

6. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội

a) Lồng ghép chính sách việc làm công trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có liên quan khi phù hợp quy định và điều kiện thực tế; lựa chọn công việc, ngành nghề, mô hình sinh kế phù hợp địa bàn, cộng đồng và khả năng duy trì việc làm.

b) Nâng cao hiệu quả tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm và kết nối cung - cầu lao động; phối hợp triển khai Sàn giao dịch việc làm quốc gia và hiện đại hóa hoạt động dịch vụ việc làm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Nâng cao hiệu quả đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên thị trường, ngành nghề có thu nhập, điều kiện và yêu cầu kỹ năng cao; tăng cường thông tin thị trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; kết nối người lao động sau khi về nước với doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để phát huy kỹ năng, kinh nghiệm.

d) Rà soát cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng chuyên gia, nhân tài và lao động kỹ thuật cao và đề xuất hoàn thiện; gắn thu hút nhân lực chất lượng cao (chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia người nước

ngoài) với chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực trong nước, thực hiện trong phạm vi thẩm quyền và quy định pháp luật.

đ) Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động; kết nối, chia sẻ và đối soát dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, cơ quan bảo hiểm xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, địa phương và doanh nghiệp theo quy định về dữ liệu, phân quyền truy cập và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nâng cao năng lực thu thập, phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực, kỹ năng nghề theo ngành, nghề, trình độ, địa bàn; cung cấp kịp thời thông tin phục vụ hoạch định chính sách, đào tạo và điều tiết thị trường lao động.

e) Phối hợp với Trung ương xây dựng, hoàn thiện và áp dụng Bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững và mức độ hài lòng. Thu thập, chuẩn hóa dữ liệu thực trạng lao động; xây dựng dữ liệu bản đồ thiếu hụt lao động và kỹ năng theo ngành, nghề, trình độ, địa bàn; phân biệt đô thị, nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp thực tế theo hướng dẫn, tiêu chí, tiến độ của cơ quan trung ương.

7. Tăng cường tín dụng hỗ trợ tạo việc làm và tự tạo việc làm

Phối hợp triển khai các chương trình tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các chương trình tín dụng chính sách khác theo quy định. Tăng cường thông tin, hướng dẫn người lao động, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận nguồn vốn hợp pháp để phát triển sản xuất, sinh kế, khởi nghiệp và tự tạo việc làm. Việc xét duyệt, cho vay, quản lý và sử dụng vốn thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện nhiệm vụ theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, xác định phần việc của cơ quan phối hợp, tiến độ và sản phẩm; tổng hợp kết quả theo phạm vi được giao. Cơ quan phối hợp chủ động cung cấp thông tin, triển khai phần việc thuộc chức năng; nhiệm vụ thuộc nhiều lĩnh vực được thực hiện theo phân công tại Phụ lục, sử dụng chung dữ liệu và kết quả có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, tổng hợp, bố trí theo khả năng cân đối ngân sách; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp nội dung chi.

Nhiệm vụ phát sinh kinh phí, yêu cầu xây dựng dữ liệu, phần mềm, tập huấn hoặc hoạt động mới chỉ triển khai sau khi có hướng dẫn, xác định rõ yêu cầu, điều kiện bảo đảm và được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; không coi Kế hoạch này là căn cứ tự động bố trí kinh phí ngoài dự toán.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện hằng năm về Sở Nội vụ hoặc đột xuất theo yêu cầu. Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 15/12 hằng năm hoặc theo thời hạn được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

2. Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn thống nhất chỉ tiêu, biểu mẫu, nguồn dữ liệu, phương thức và đầu mối tiếp nhận báo cáo; tham mưu sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030 và đánh giá theo yêu cầu của Trung ương. Các sở, ban, ngành tổng hợp số liệu thuộc lĩnh vực phụ trách; Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, rà soát, xác minh thông tin thuộc phạm vi quản lý. Khai thác dữ liệu hiện có, không lập lại dữ liệu hoặc báo cáo trùng lặp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại địa bàn; tuyên truyền, hướng dẫn người lao động, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận thông tin tuyển dụng, học nghề, tín dụng chính sách và chương trình hỗ trợ tạo việc làm; phối hợp cung cấp, xác minh dữ liệu theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng NVKTGS;
- Lưu: VT, N.T.Thủy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đào Trọng Đức